TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày 30-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Anh Văn
2. Ông Trương Văn Bình

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Lâu Văn Chứ, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Lâu Văn Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2017/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2017; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hạng Pó C - Sinh năm 1984. Nơi sinh: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT: Bản Pa Búa, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở hiện nay: Bản Pa Búa, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông: Hạng A L, đã chết; Con bà: Cứ Thị P, sinh năm 1945; Có vợ: Phàng Thị S, sinh năm 1984; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25-9-2017 chuyển tạm giam ngày 27-9-2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 17-12-2015, Hạng Pó C một mình đi bộ từ nhà mình ở bản Pa Búa, xã Trung Lý, huyện Mường Lát đến nhà Hà Văn D ở bản Lìn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát để hỏi mua ma túy sử dụng, nhưng Hà Văn D không có ma túy, nên 02 người rủ nhau sang Lào để mua ma túy cùng sử dụng.

Khi đi D lấy xe máy của gia đình đưa cho C điều khiển chở D và hứa sang Lào khi mua được ma túy thì sẽ cho ma túy sử dụng và trả công lai đi là 100.000đ, sau đó 02 người cùng nhau sang bản Khằm Nàng (Lào) tìm mua ma túy. Tại bản Khằm Nàng – Lào, Do Hà Văn D không biết tiếng Mông nên bảo C hỏi một người phụ nữ dân tộc Mông, công dân Lào để mua ma túy (C làm phiên dịch Hà Văn D) và hai người đã mua của người phụ nữ này một cục hêrôin với số tiền là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), khi nhận được hêrôin thì D cắt ra một ít để cùng C sử dụng, số ma túy còn lại, D gói vào túi nilon màu vàng rồi cầm trên tay. Sau khi sử dụng hêrôin với D xong, Chua và D quay về, trên đường quay về được một đoạn thì C đã mua của một người đàn ông dân tộc Mông, công dân Lào, không quen biết 01 gói thuốc phiện được bọc bằng túi nilon màu đen với số tiền là 100.000đ (số tiền này là do D trả công cho Hạng Phó C), khi có thuốc phiện rồi C đưa cho D cầm, còn C thì điều khiển xe máy chở D theo đường mòn cũ quay về Việt Nam.

Đến 19 giờ, ngày 17-12-2015, khi Hà Văn D và Hạng Pó C về đến khu vực Kéo Cưa thuộc địa phận bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, thì bị Tổ công tác Công an huyện Mường Lát phát hiện và bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy mà D và C đã mua được trước đó.

Quá trình bắt giữ và đưa Hà Văn D và Hạng Pó C về Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát làm việc, do đêm tối và lợi dụng sơ hở của Cán bộ canh gác khi chưa có quyết định tạm giữ, nên Hà Văn D và Hạng Pó C đã bỏ trốn và Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã ra Quyết định truy nã. Ngày 02-3-2016 Hà Văn D đã bị bắt theo Quyết định nã, đến ngày 10-6-2016 Hà Văn D đã bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử và xử phạt 04 năm tù tại bản án số 17/2016/HSST ngày 10-6-2016 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát.

Đối với Hạng Pó C Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã Quyết định tách vụ án không xử lý cùng với Hà Văn D và ra Quyết định truy nã đối với Hạng Pó C. Ngày 25-9-2017 Hạng Pó C đã bị bắt theo Quyết định truy nã số 03/CSĐT ngày 22-12-2015 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát và ra Quyết định phục hồi điều tra để xử lý.

Tại bản kết luận giám định số: 1926/MT-PC54 ngày 20-12-2015 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Chất bột dạng nén màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định có trọng lượng là 2,504g (Hai phẩy năm trăm không bốn gam). Qua giám định có thành phần hêrôin.

- Chất dẻo màu nâu-đen của phong bì niêm phong gửi giám định có trọng lượng là 3,979g (Ba phẩy chín trăm bảy chín gam). Qua giám định có thành phần nhựa thuốc phiện.

Theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTp ngày 24-12-2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVII "Các tội về ma túy" thì,

Tỷ lệ % về trọng lượng hêrôin so với mức tối thiểu đối với hêrôin quy định tại điểm h khoản 2 điều 194 BLHS là 50,08% (2,504gam so với 05 gam).

Tỷ lệ % về trọng lượng nhựa thuốc phiện so với mức tối thiểu đối với nhựa thuốc phiện quy định tại điểm g khoản 2 điều 194 BLHS là 0,79% (3,979gam so với 500 gam).

Như vậy, tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của cả 02 chất ma túy (hêrôin và nhựa thuốc phiện) mà bị cáo tàng trữ là 50,87% (Năm mươi phẩy tám bảy phần trăm).

Cáo trạng số 23/CTr-VKS-MT ngày 13-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Hạng Pó C về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, thực hiện nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015 và áp dụng khung hình phạt quy định tại điểm i khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay: Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện và bị bệnh nên đã tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân và chữa bệnh.Năm 2015 bị cáo bị bắt do sợ quá và cùng bị còng với Hà Văn D, khi Hà Văn D bỏ trốn thì bị cáo cũng bỏ trốn theo, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo Hạng Pó C theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Bị cáo Hạng Pó C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 3 điều 7, điểm i khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14:

Phạt Bị cáo Hạng Pó C từ 18 tháng đến 20 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với vật chứng của vụ án đã được xử lý theo quy định của pháp luật tại bản án số 17/2016/HSST ngày 10-6-2016 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Nhưng cho rằng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Ngoài ra, Bị cáo là người dân tộc thiểu số, lại sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, từ nhỏ không được đi học nên không biết chữ, dẫn đến hiểu biết

pháp luật còn hạn chế, các con còn nhỏ, gia đình thuộc diện khó khăn, đang phải gửi các con cho bố mẹ vợ nuôi dưỡng.

Nên đề nghị HĐXX cân nhắc, xem xét áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017; khoản 3 điều 7; điểm i khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015; điều 33 (Nay là điều 38 BLHS năm 2015); điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS năm 1999 (Nay là điểm s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015), khoản 1 điều 194 BLHS năm 1999 nhưng áp dụng khung hình phạt tại điểm i khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 để đưa ra phán quyết cho bị cáo mức án phù hợp đủ sức răn đe, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, trở thành công dân có ích và vẫn có tính phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, không thay đổi, không bổ sung thêm gì, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm phạm tội của bị cáo và tính chất vụ án: Ngày 17-12-2015, bị cáo đã cùng Hà Văn D rủ nhau đi sang Lào mua hêrôin và thuốc phiện với mục đích đem về để sử dụng cho bản thân và bị cáo được Hà Văn D hứa lai bằng xe máy đi sẽ được cho sử dụng ma túy cùng và được trả công là 100.000đ. Tại Lào, Bị cáo được trả 100.000đ và làm người phiên dịch cho Hà Văn Dạn để mua ma túy. Bị cáo và D đã mua của 01 người đàn bà dân tộc Mông không quen biết 01 lượng hêrôin với số tiền là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) khi có hêrôin thì 02 người đã cắt ra một ít để sử dụng ngay tại đó, số còn Hà Văn D gói lại để cất đi. Trên đường về bị cáo đã mua của một người đàn ông dân tộc Mông công dân Lào không quen biết một lượng thuốc phiện với số tiền là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) tiền này là tiền được D trả công, khi C có thuốc phiện thì D bảo đưa D cầm để điều khiển xe máy và bị cáo và D quay về, trên đường về đến khu vực Kéo Cưa thuộc bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì bị cáo và D bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật, đưa về Công an huyện Mường Lát làm việc. Lợi dụng sơ hở của cán bộ canh gác nên bị cáo và Hà Văn D đã bỏ trốn, Cơ quan

CSĐT đã ra quyết định truy nã đối với Hà Văn D và bị cáo, đến ngày 25-09-2017 thì bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã.

Quá trình điều tra, truy tố cơ quan có thẩm quyền đã giám định số ma túy thu giữ của bị cáo và Hà Văn D: Tại bản kết luận giám định số 1926/MT-PC54 ngày 20-12-2015 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Chất bột dạng nén màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định có trọng lượng là 2,504g (Hai phẩy năm trăm không bốn gam). Qua giám định có thành phần hêrôin.

- Chất dẻo màu nâu-đen của phong bì niêm phong gửi giám định có trọng lượng là 3,979g (Ba phẩy chín trăm bảy chín gam). Qua giám định có thành phần nhựa thuốc phiện.

Tòa án nhân dân huyện Mường Lát một lần nữa đi giám định bổ sung hàm lượng ma túy trong số ma túy thu giữ của bị cáo và Hà Văn D thì tại bản kết luận số: 07/C54 (TT2) ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát kết luận:

- Mẫu chất bột dạng nén màu trắng ngà gửi giám định có hàm lượng hêrôin là 6,8% (Sáu phẩy tám phần trăm). Khối lượng hêrôin trong 2,382 gam là 0,161 gam (Không phẩy một trăm sáu mươi mốt gam).

- Mẫu chất dẻo màu nâu đên gửi giám định có hàm lượng mocrphine là 8,0% (Tám phần trăm). Khối lượng mocrphine trong 3,778 gam mẫu vật là 0,302 gam (Không phẩy ba trăm linh hai gam).

Theo quy đổi thì: Nguyên chất hêrôin trong tổng số hêrôin bị thu giữ có trọng lượng là $\frac{6,8\% \times 2,504 \text{ gam có thành phần hêrôin}}{100\%}$ = 0,170g (Không phẩy một trăm bảy mươi gam). Nguyên chất mocrphine trong tổng số thuốc phiện bị thu giữ là $\frac{8,0\% \times 3,979\text{gam có thành phần thuốc phiện}}{100\%}$ = 0,318g (Không phẩy ba trăm mười tám gam).

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24-12-2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVII "Các tội về ma túy" thì:

Tỷ lệ % về trọng lượng hêrôin so với mức tối thiểu của hêrôin quy định tại điểm h khoản 2 điều 194 BLHS là $\frac{0,170\text{g} \times 100\%}{05\text{gam}}$ = 3,4% (Ba phẩy bốn phần trăm).

Tỷ lệ % về trọng lượng mocrphine trong nhựa thuốc phiện so với mức tối thiểu đối với nhựa thuốc phiện quy định tại điểm g khoản 2 điều 194 BLHS là $\frac{0,318 \text{ gam} \times 100\%}{500\text{gam}}$ = 0,063 % (Không phẩy không trăm sáu ba phần trăm).

Như vậy, tổng tỷ lệ % về trọng lượng của cả 02 chất ma túy (hêrôin và mocrphine trong nhựa thuốc phiện) mà bị cáo tàng trữ là 3,4% + 0,063% = 3,463% (Ba phẩy bốn trăm sáu ba phần trăm).

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hành vi phạm tội xảy ra năm 2015, nhưng cơ quan có thẩm quyền đã tách vụ án do bị cáo bỏ trốn, nên đã xử lý hình sự đối với Hà Văn Dạn, còn bị cáo cơ quan có thẩm quyền chưa thể xử lý cùng với Hà văn Dạn, nên tại vụ án này có thể xem xét đó là vụ án đồng phạm. Căn cứ điểm đ, tiểu mục 3.7 phần 2 của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24-12-2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVII "Các tội về ma túy" thì vai trò của bị cáo chỉ là thứ yếu trong vụ án Hà Văn D.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma tuý của Nhà nước, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy và việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật; việc sử dụng ma túy ảnh hưởng tới sức khỏe, thiệt hại về kinh tế của cá nhân và gia đình, đồng thời là một nguyên nhân lây nhiễm căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS, là mầm mống của tội phạm hình sự khác. Nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Như vậy, với hành vi của bị cáo, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo và trọng lượng ma túy thu giữ của bị cáo sau khi giám định hàm lượng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội danh và mức hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (Nay là điểm i khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Căn cứ khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, quy định mức khởi điểm và mức cao nhất của khung hình phạt đều nhẹ hơn khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09-01-2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về áp dụng BLHS năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 tương ứng điểm s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015), được xem xét khi quyết định hình phạt; Đối với việc bị cáo bỏ trốn từ năm 2015 khi bị bắt quả tang, trốn tránh, không ra trình diện cơ quan có thẩm quyền và bị bắt theo Lệnh truy nã thì HĐXX cũng xem xét về việc chấp hành pháp luật của bị cáo để áp dụng cho bị cáo một mức án hợp lý cho hành vi trốn tránh của bị cáo.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt là phù hợp so với hành vi phạm tội, khối lượng ma túy bị cáo đã tàng trữ khi đã giám định hàm lượng và phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, từ bỏ ma túy trở thành người có ích cho gia đình và xã hội là cần thiết, nhằm răn đe và phòng ngừa những người có tư tưởng tương tự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nương rẫy, gia đình không có tài sản gì đáng giá. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Vật chứng trong vụ án: Số ma túy thu giữ của bị cáo và Hà Văn D đã xử lý ở bản án số 17/2016/HSST ngày 10-6-2016 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, nhưng Tòa án đã trích mẫu vật để giám định bổ sung nên phải xử lý ở vụ án này. Số ma túy còn lại sau giám hàm lượng là chất Nhà nước cấm lưu hành là vật chứng của vụ án, căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình, tịch thu hiêu hủy.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[7] *Các nhận định khác:* Đối với người đàn bà và người đàn ông dân tộc Mông, công dân Lào đã bán ma túy cho bị cáo và Hà Văn D, việc mua bán diễn ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, thì Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát không thể xác minh để xử lý ở vụ án này.

Đối với với Hà Văn D đã bị xử lý bằng bản án số 17/2016/HSST ngày 10-6-2016 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, nên không xem xét ở vụ án này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 tương ứng với điểm i khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi năm 2017); Điều 33 ; điểm p, khoản 1, điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 tương ứng điều 38; điểm s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015).

- Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14.

Tuyên bố: Bị cáo Hạng Pó C phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Hình phạt chính: Xử phạt Bị cáo Hạng Pó C 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (25-9-2017).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ghi số 07/C54(TT2) bên trong có 2,279gam chất bột màu trắng ngà và 2,472 gam chất dẻo màu nâu đen còn lại sau khi trích mẫu vật giám định và các vỏ bao gói. Tất cả được đựng trong một phong bì do Viện khoa học hình sự-Tổng cục Cảnh sát phát hành được dán kín, niêm phong bởi chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Đức Trọng và các 03 hình dấu của Viện khoa học hình sự- Tổng cục Cảnh sát.

Vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12-01-2018 giữa Tòa án nhân dân huyện Mường Lát và Chi cục THA Dân sự huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Buộc Bị cáo Hạng Pó C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo và Kháng nghị: Áp dụng: Điều 231,Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Án xử công khai; có mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, huyện Mường Lát;
- Bị cáo Hạng Pó C;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng